

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TTC2	7:25	22+0	0+0		15+2	0+0	
2		TD5+CTK3	7:25	16+6	0+0		15+7	0+0	
3		AMD+P4	7:25	19+3	0+0		12+10	0+0	
4		T.UNG	7:25	19	0		17	0	
5		CTK3+BK16	9:25	15+7	0+0		12+10	0+0	
6		GTCL+RP2	9:25	13+9	0+0		11+11	0+0	
7		PVD6+PPD+AMD	9:25	4+13+5	0+0+0		0+14+3	0+0+0	
8		CTK3	11:25	22	0		22	0	
9		PPD+CTK3	11:25	19+3	0+0		10+3	0+0	
10		CLI	11:25	22	0		22	0	
11		CLI	13:25	8	0		11	0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2018	TO: TD3 - TTC2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐTuấn - MQUÂN	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AFANASHEV I.IU	TD3	03	1	8		88	KHOAN	Russian
2	PHAM VAN BAO	TD3	07-08	2	10		72	YTE	Vietnamese
3	LE ANH XUAN	TD3	10	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN HAI NAM	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
5	VU TIEN DUNG	TD3	02	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
6	BUI HUU VUNG	TD3	06	1	5	60	88	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VAN BAT	TD3	09	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	DO THANH HAI	TD3	05	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	CHU VAN THANG	TD3	04	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM HUU HUAN	TD3	16-17	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN LAM GIANG	TD3	15	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	VU THE HUNG	TD3	21	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG TIEN	TD3	13	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THUAN	TD3	14	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
15	LE CONG TRANG	TD3	11-12	2	15		65	NHA THAU	Vietnamese
16	TANG HINH GAI	TD3	22-23	2	17		80	NHA THAU	Malaysian
17	NGUYEN DUC THANG	TD3	18-19	2	16		70	NHA THAU	Vietnamese
18	PHAN NGOC TIEN	TD3	29	1	10		65	DVL	Vietnamese
19	TRAN DAI HUNG	TD3	20	1	7		68	DVL	Vietnamese
20	BUI DUC ANH	TD3	24	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NHAM DINH QUY	TD3	01	1	7		62	PSV	Vietnamese
22	PHAM HUU ANH	TD3	25	1	3		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	26	171	1.578	60	15		
2	TTC2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	26	171	1.578	60	17		
WEIGHT KG				171	1.578	60			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2018	TO: TD5 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - Năm	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDROV A.A	TD5	76	1	6		86	KHOAN	Russian
2	VANEEV D.V	TD5	75	1	11		100	KHOAN	Russian
3	NGUYEN DUY TAM	TD5	02	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
4	LE MANH THANH	TD5	83	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TAN PHUOC	TD5	81	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
6	LE ANH NGUYEN	TD5	03	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN ĐỨC THỊNH	TD5	78	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HIEN	TD5	85	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	LAM VAN HANH	TD5	79	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM NAM HAI	TD5	82	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN THUONG VU	TD5	77	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
12	BUI DINH PHUC	TD5	84	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	KIM NHAT THANH	TD5	86	1	5		68	CODIEN	Vietnamese
14	CAO QUANG HUNG	TD5	87	1	10	18	105	CODIEN	Vietnamese
15	TRAN VAN DUNG	TD5	80	1	7		78	DVL	Vietnamese
16	PHAM XUAN HOA	CTK3					74	YTE	Vietnamese
17	PHAM TU ANH	CTK3	49	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
18	BOGDANOV	CTK3	76	1	5		83	KH-THAC	Russian
19	NGUYEN BINH LONG	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
20	TRINH QUOC HUY	CTK3	47	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HIEN	CTK3	48	1	5	3	65	KH-THAC	Vietnamese
22	LE THANH CHUNG	CTK3	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	15	92	1.122	18	15		
2	CTK3	7	5	29	504	3	7		
TOTAL		22	20	121	1.626	21	22		
WEIGHT KG				121	1.626	21			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2018	TO: AMD - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - Nnam	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAN CANH THINH	AMD	14-15	2	15	5	72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HANG HAI	AMD	08	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LE THANH HAI	AMD	17	1	7		94	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC TUAN	AMD	25	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM THANH BINH	AMD	16	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG MINH ĐỨC (PVDI)	AMD	23-24	2	16		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TANG XUAN HAI (PVDI)	AMD	18	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	21	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN VIET	AMD	20	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NGHIET	AMD	19	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN THIN	AMD	11	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEU	AMD	22	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HOANG HONG SANG	AMD	06-07	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO VAN BAC	AMD	12	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LUONG	AMD	26	1	9	70	71	KH-THAC	Vietnamese
16	HA CONG VINH	AMD	09-10	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
17	MOHD IRWANIZA B.A BAKAR	AMD	03-04	2	17		98	KH-THAC	Malaysian
18	SYED SALLAH B.S.ALHABSHI	AMD	01-02	2	15		76	KH-THAC	Singapore
19	AZMAN B M FADZIL	AMD	05	1	12		72	KH-THAC	Malaysian
20	PHAM VAN NGOC	P4	24	1	5		55	PVE	Vietnamese
21	PHAM QUANG THOM	P4	23	1	5		67	PVE	Vietnamese
22	LE THANH LONG	P4	22	1	5		80	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	25	179	1.365	75	12		
2	P4	3	3	15	202	0	10		
TOTAL		22	28	194	1.567	75	22		
WEIGHT KG				194	1.567	75			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:28
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HLONG - Lạc	ETA: 10:30
NAU-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ TUẤN MẠNH	BK THIE				42	68	PVD	Vietnamese
2	HUYNH HIẾU NGHĨA	BK THIE	89	1	8	130	76	PVD	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY TUẤN	BK THIE	20	1	6	17	81	PVD	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THỊ	BK THIE					76	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN QUANG HÒA	BK THIE	95	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	KIỆU XUÂN TÂM	BK THIE	93	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO DUY TỬ	BK THIE	99	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN TRỌNG	BK THIE	92	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HẢI	BK THIE	96	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN SƠN	BK THIE	97	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ XUÂN THÀNH	BK THIE	94	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG PHÚ	BK THIE	22-23	2	18		79	CODIEN	Vietnamese
13	LÂM NHẬT MINH	BK THIE	21	1	13		64	CODIEN	Vietnamese
14	ĐỖ MINH HỘI	BK THIE	90	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ ĐẶNG THANH	BK THIE	88	1	6		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN QUANG	BK THIE					66	PSV	Vietnamese
17	PHẠM HÙNG SƠN	BK THIE	98	1	6		61	PSV	Vietnamese
18	HÀ VĂN THIỀU	BK THIE	91	1	3		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	18	16	102	1.273	189	18		
	TOTAL	18	16	102	1.273	189	18		
	WEIGHT KG			102	1.273	189			

GRAND TOAL: 1.564 KGS

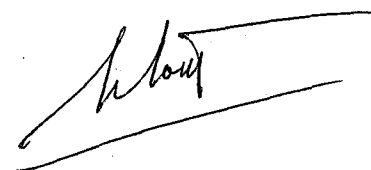
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2018	TO: CTK3 - BK16	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐTuấn - MQUÂN	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY HA	CTK3	67	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI KHAC PHONG	CTK3	30	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	99	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN DƯ	CTK3	64	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	61	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÌNH NHỎ HOÀNG	CTK3	66	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI HỮU HUÂN	CTK3	73	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN BA HUỆ	CTK3	63	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	VUONG DINH DONG	CTK3	68	1	5		85	PSV	Vietnamese
11	LÊ QUANG THẮNG	CTK3	70	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	65	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI SỸ LONG	CTK3	72	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	71	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TSVETKOV	CTK3	69	1	5		100	KH-THAC	Russian
16	PHẠM NGỌC KHÂN	BK16	12	1	10		70	DNV.GL	Vietnamese
17	VŨ VĂN TIẾN	BK16	11	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HÙNG	BK16					80	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ MINH THẮNG	BK16	29	1	5	110	60	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	13	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN MUỐI	BK16	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN XUÂN HOA	BK16					70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

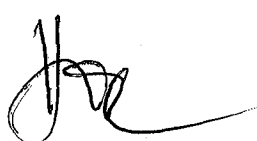
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	15	78	1.128	0	12		
2	BK16	7	5	29	495	110	10		
TOTAL		22	20	107	1.623	110	22		
WEIGHT KG				107	1.623	110			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2018	TO: GTC1 - RP2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - Năm	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KURPASOV	GTC1				50	68	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN HUU TAN	GTC1	80	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
3	VU TRUNG KIEN	GTC1	68	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUYET THANG	GTC1	67	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN HAU	GTC1	74-75	2	12		75	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI QUANG CONG	GTC1	72-73	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
7	VU MANH THANG	GTC1	76-77	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NHAM NGOC THANH	GTC1	78	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM NGOC NAM	GTC1	81-82	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN NAM	GTC1	70	1	18		68	XAYLAP	Vietnamese
11	LE VAN NHAN	GTC1	71	1	17		76	XAYLAP	Vietnamese
12	NGO TRUNG LUYEN	GTC1	79	1	2		75	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NHANH	GTC1	69	1	4		65	PSV	Vietnamese
14	ĐINH XUAN TOAN	RP2	46,93	2	14	50	64	T-TIN	Vietnamese
15	TRAN CAO MONG	RP2	41	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
16	TRAN VAN VIET A	RP2	45	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
17	VU HOANG QUAN	RP2					61	GETRACO	Vietnamese
18	PHAM ANH TU	RP2	43	1	3		72	GETRACO	Vietnamese
19	VUONG KHA KIEU	RP2	97	1	4		71	GETRACO	Vietnamese
20	VU THANH TIEN	RP2	44	1	4		52	GETRACO	Vietnamese
21	VU VIET SON	RP2	40	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
22	PHAN MANH LINH	RP2	42	1	4		64	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	13	16	137	916	50	11		
2	RP2	9	9	43	559	50	11		
TOTAL		22	25	180	1.475	100	22		
WEIGHT KG				180	1.475	100			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2018	TO: PVD6 - PPD - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - NNam	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH SUNG	PVD6	50	1	9		72	D-HANH	Vietnamese
2	ĐỖ VINH TUY	PVD6	54	1	12		78	D-HANH	Vietnamese
3	BUI XUAN THEM	PVD6	91-92	2	12	128	87	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TUNG PHONG	PVD6	68,93	2	9		80	VTB	Vietnamese
5	KHÔNG TIẾN DUNG	PPD	64	1	5		75	KHI	Vietnamese
6	DUONG HONG LINH	PPD	72	1	5		70	LILAMA	Vietnamese
7	LÊ HỒNG ĐẠI	PPD	71	1	6		73	D-HANH	Vietnamese
8	DUYNG ĐẠI THẮNG	PPD	70	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN HAI	PPD	74	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	65	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	67	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRỊNH DUY NAM	PPD	66	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD					55	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	PPD	69	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
16	PHÙNG PHU SỬA	PPD	68	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD					62	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU ANH HUNG	AMD	44-45	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TINH	AMD	82-83	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC BIEU	AMD	80	1	8	32	64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN CONG CHIEN	AMD	77-79	3	20		80	KH-THAC	Vietnamese
22	DO DUY TIEN	AMD	81	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	4	6	42	317	128	0		
2	PPD	13	10	45	872	0	17		
3	AMD	5	9	62	372	32	3		
TOTAL		22	25	149	1.561	160	20		
WEIGHT KG				149	1.561	160			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2018	TO: CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Vậ - CHIẾN - HIẾU	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC KIỆM	CTK3					89	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ CANH HÙNG	CTK3	52	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	81	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	54	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ HỮU HA	CTK3	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	85	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	84	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH QUANG	CTK3	83	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	88	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC THAI	CTK3	77	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THỪA THAI	CTK3	90-91	2	10	55	65	CODIEN	Vietnamese
13	ĐẶNG CÔNG DANH	CTK3	89	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
14	PANKRATOV	CTK3	92	1	13		103	ANTOAN	Russian
15	PHẠM MẠNH HAI	CTK3	53	1	10	22	66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN THAI BÌNH	CTK3	78	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC HÙNG	CTK3	80	1	13		72	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐẠO AN TUẤN	CTK3	57	1	9		53	XAYLAP	Vietnamese
19	LÀ TUẤN LINH	CTK3	56	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
20	HÀ XUÂN THANH	CTK3	82	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG THANH SƠN	CTK3	79	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ VĂN QUANG	CTK3	55	1	9		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	21	157	1.596	77	22		
	TOTAL	22	21	157	1.596	77	22		
	WEIGHT KG			157	1.596	77			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/11/2018	TO: PPD - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:55
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - Năm	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TÂN	PPD	80	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC ANH	PPD	58	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH THĂNG	PPD	79	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG	PPD	78	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
5	LUƠNG VĂN TANG	PPD	76	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ CHÍ KIẾN	PPD				86	75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI NGOC DUNG	PPD	83	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM LÊ DUƠNG	PPD	55	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN DOÀN HƯƠNG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH BA NINH	PPD	50,75	2	17		55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG VINH	PPD	54	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔNG VĂN ĐỨC	PPD	59	1	8		77	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ MẠNH HUNG	PPD	63	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN PHÚC	PPD	62	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
16	MAI DUY TÂN	PPD	60-61	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
17	QUAN ĐỨC THĂNG	PPD	51-52	2	10		63	NIPI	Vietnamese
18	KYREEV	PPD	53	1	8		90	NIPI	Russian
19	NGUYỄN NGỌC TUÂN	PPD	56-57	2	10		73	DK9	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HAI	PPD	81-82	2	17		63	KHI	Vietnamese
21	ĐỖ XUÂN CHÍNH	CTK3	88	1	10		66	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC ANH	CTK3	87	1	10		77	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	23	149	1.388	86	10		
2	CTK3	2	2	20	143	0	3		
TOTAL		22	25	169	1.531	86	13		
WEIGHT KG				169	1.531	86			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2018	TO: CLI	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:00
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - NNam	ETA: 13:40
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG TÂN	CLI	35	1	6	19	68	KH-THAC	Vietnamese
2	DUCHENKO A.L.	CLI	45-46	2	5		115	KH-THAC	Russian
3	TRUONG THANH NGHIEM	CLI	09	1	9		57	DUNG QU	Vietnamese
4	TRẦN VĂN BÁC	CLI	39	1	3	68	59	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH CÔNG	CLI	30	1	5	58	68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG TUYEN	CLI	36	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC THANG	CLI	01-02	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG SOAI	CLI	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG HAI	CLI	29	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	CHU VĂN VƯƠNG	CLI	32	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HAI DUONG	CLI	33-34	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI QUỐC HÙNG	CLI	43	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH KIM KHANH	CLI	40	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN DÂN	CLI	44	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ HAI HẬU	CLI	47	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	41	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC DUNG	CLI	42	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TÂN HẬU	CLI					67	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG DINH HUÂN	CLI	28	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NHẬT MINH	CLI	37-38	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN MINH DUY	CLI	48-49	2	16		75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THANH HAI	CLI	26-27	2	9		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

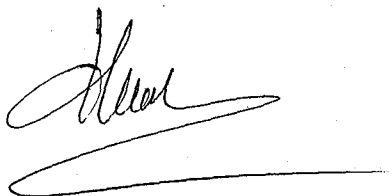
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	27	148	1.578	145	22		
	TOTAL	22	27	148	1.578	145	22		
	WEIGHT KG			148	1.578	145			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/11/2018	TO: CLI	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - HIẾU	ETA: 15:40
HONG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÀ THANH QUANG	CLI	29	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ TRUNG QUAN	CLI	17	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN VIỆT ĐÔNG	CLI	19-20	2	10	34	67	CODIEN	Vietnamese
4	BUI ĐỨC HẬU	CLI	21	1	10		58	CODIEN	Vietnamese
5	PHẠM XUÂN YẾN	CLI	30	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN DƯ	CLI	15	1	6		64	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN HOÀNG ANH	CLI	14	1	3	110	65	PSV	Vietnamese
8	BUI NGỌC TÂN	CLI	13	1	3		64	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN MẠNH	CLI	10	1	8		59	DQUAT	Vietnamese
10	NGO SY HA	CLI	11-12	2	11		59	DQUAT	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN DỤC	CLI	16	1	11		66	DQUAT	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG CHÍNH	CLI	18	1	10		80	DQUAT	Vietnamese
13	TRẦN TIẾN LỢI	CLI	22	1	5		62	DQUAT	Vietnamese
14	LAI MINH PHƯƠNG	CLI	23	1	15		69	DQUAT	Vietnamese
15	BUI DUƠNG QUỐC	CLI	24	1	15		65	DQUAT	Vietnamese
16	BUI VĂN PHUOC	CLI	25	1	8		77	DQUAT	Vietnamese
17	PHẠM VĂN NHAN	CLI	31	1	7		66	DQUAT	Vietnamese
18	ĐÀO QUỐC TRƯỞNG	CLI	32	1	4		77	DQUAT	Vietnamese
19	TRẦN VU THANH	CLI	33	1	10		80	DQUAT	Vietnamese
20	LE VĂN HOA	CLI	34	1	4		58	DQUAT	Vietnamese
21	PAN KẾ PHÚC	CLI	35-36	2	12		60	DQUAT	Vietnamese
22	DINH HỒNG NHAN	CLI	37-38	2	10		50	DQUAT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	22	26	176	1.449	144	11		
	TOTAL	22	26	176	1.449	144	11		
	WEIGHT KG			176	1.449	144			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK10+P11+JS2	7:25	9+13+0	0+0+0		3+11+8	0+0+0	
2		RP3+P2+BK5	7:25	14+7+0	0+0+0		13+5+4	0+0+0	CHUYEN 2 PAX RP3- P2CHUYEN 2 PAX P2-BK5
3		PVD2+CLO+BK16	7:25	22+0+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	CHUYEN 6 PAX PVD2-CLO
4		BK3+P2	7:25	18+4	0+0		5+17	0+0	
5		PVD6+P7+PVD2	9:25	12+3+7	0+0+0		7+1+14	0+0+0	
6		TTC2+P2	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
7		P5+P9	9:25	11+11	0+0		10+12	0+0	
8		TD2+BK4+P10	9:25	7+8+7	0+0+0		6+6+10	0+0+0	
9		P3+P9	11:25	5+17	0+0		0+21	0+0	
10		P10+BK10	11:25	19+2	0+0		16+6	0+0	
11		PVD6	11:25	22	0		21	0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ BK10 -1 NGUOI AT ĐI VỀ TRONG NGÀY

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2018	TO: BK10 - P11 - JS2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - ATUÁN - TRƯỜNG	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KYSELEV	BK10	88	1	15	20	85	KH-THAC	Russian
2	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	86	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CHAU NAM	BK10	87	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGHIEM XUAN ANH	BK10	96	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRỌNG	BK10	90-91	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG TUAN HAI	BK10	97	1	5	76	74	KH-THAC	Vietnamese
7	ARTIUSHIN	BK10	89	1	4		85	ANTOAN	Russian
8	MAI CAO ĐỊNH	BK10	85	1	5		55	PSV	Vietnamese
9	LÊ HỒNG LINH	BK10	95	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MẠNH CUÔNG	P11				40	65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN CỎ	P11	33	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC ANH	P11	37	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI CÔNG LAN	P11					70	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VĂN TUẤN	P11					50	KH-THAC	Vietnamese
15	CAO MINH HOANG	P11	35	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ ĐĂNG HOANG	P11	40	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG BẰNG	P11	36	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NG.TRƯỜNG NHẬT MINH	P11	41	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN XUAN LỘC	P11	32	1	18		51	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG TÂN	P11	34	1	5		61	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỆN	P11	39	1	2		69	PSV	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC CHI	P11	38	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	9	10	67	673	96	3		
2	P11	13	10	57	843	40	11		
3	JS2	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	20	124	1.516	136	22		
WEIGHT KG				124	1.516	136			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

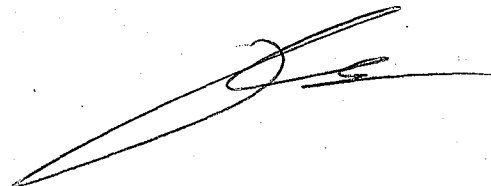
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2018	TO: RP3 - P2 - BK5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG GIANG LAM	RP3	92	1	5		82	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN ANH THU	RP3	93	1	10		55	D-HANH	Vietnamese
3	EDUARD GALUSTYAN	RP3	01	1	10		90	KH-THAC	Russian
4	TRAN VAN LAI	RP3	02-03	2	17		59	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VAN LAM	RP3	09-10	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN HUNG LONG	RP3	16-90	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM VAN HOAN	RP3	12	1	10	25	80	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN VIET	RP3	91	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN VINH	RP3	06	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VAN LOI	RP3	07-08	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
11	DIU VAN THONG	RP3	04	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG XUAN HUY	RP3	14-15	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
13	DOAN THANH QUYEN	RP3	13	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN CHI HUNG	RP3	05	1	6		62	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HUNG	P2	03	1	16		82	KH-THAC	Vietnamese
16	VU TRUONG GIANG	P2	05	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
17	VU THI VAN HA	P2	08	1	10		51	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYEN THI HOAI THUONG	P2	06-07	2	10		55	D-HANH	Vietnamese
19	NG. VAN HAN	P2	01	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MANH HUNG	P2	02	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
21	PARSHIN	P2	101	1	12		86	KH-THAC	Russian
22	DO HUU NGUYEN	P2	04	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

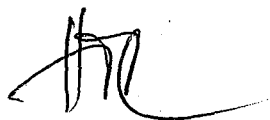
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	19	180	978	25	13 + 2		CHUYEN 2 PAX RP3 SANG P2
2	P2	8	9	75	559	0	5 + 2		CHUYEN 2 PAX P2 SANG BK5
3	BK5	0	0	0	0	25	4		
TOTAL		22	28	255	1.537	50	22		
WEIGHT KG				255	1.537	50			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

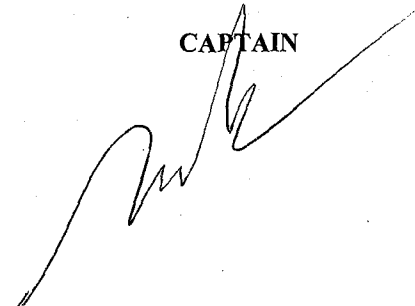
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2018	TO: PVD2 - CLO - BK16	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Cuong - VTHU - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

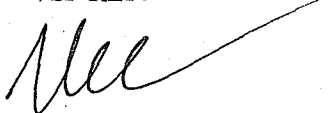
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BINH MINH	PVD2	89	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
2	LAI HOANG ANH	PVD2	92	1	11		55	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN HUY NINH	PVD2	49	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
4	TRINH BA BINH	PVD2	47	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN TRONG THUAN	PVD2	88	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN THUONG	PVD2	51	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN TUAN	PVD2	52	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
8	LE QUANG HUNG	PVD2	48	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGO DINH SON	PVD2	39	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUU DAT	PVD2	50	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN TAN	PVD2	40	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	LE HONG THINH	PVD2	85	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN BINH	PVD2	41	1	3	12	72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DONG HAI	PVD2	38	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THAI BINH	PVD2	42	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DUC TAP	PVD2	93	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MINH PHUONG	PVD2	43-44	2	11		70	KHOAN	Vietnamese
18	DUONG HUY HIEN	PVD2	96	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN MANH THANG	PVD2	45-46	2	12		58	KHOAN	Vietnamese
20	VAN DUC SON	PVD2	87	1	10		57	KHOAN	Vietnamese
21	LE THANH THAI	PVD2	94-95	2	15		95	KHOAN	Vietnamese
22	NGO XUAN DUONG	PVD2	90-91	2	17		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

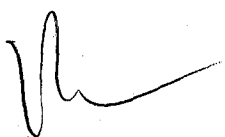
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	26	182	1.460	12	12	6	CHUYEN 6 PAX PVD2 SANG CLO
2	CLO	0	0	0	0	0	0		
3	BK16	0	0	0	0	5	10		
TOTAL		22	26	182	1.460	17	22		
WEIGHT KG				182	1.460	17			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2018	TO: BK3 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUC MAN	BK3	39	1	13		57	PSV	Vietnamese
2	HOANG QUOC BAO	BK3					64	KH-THAC	Vietnamese
3	LE CONG VINH	BK3	42	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN BA DUY	BK3	37	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THE VINH	BK3	36	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THE KHUONG	BK3	66	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
7	TO DINH TUYEN	BK3	43	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	VU VAN DONG	BK3	38	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DEC	BK3	237	1	11	68	79	KH-THAC	Vietnamese
10	DO VAN TRUONG	BK3	57	1	12	5	68	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI QUOC CUONG	BK3	238	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THAI SON	BK3	56	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG MINH HOANG	BK3	34	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
14	LE TRONG VAN	BK3	44,91	2	14	10	65	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM HUU MAN	BK3	40-41	2	17	40	69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG MINH HIEU	BK3	35	1	13		64	XAYLAP	Vietnamese
17	LE VAN DUNG	BK3	26	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
18	LE HUY	BK3	58	1	17		63	XAYLAP	Vietnamese
19	KOSTIKIN	BK3	33	1	13		129	NIPI	Russian
20	LE ANH VU	P2	43	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN ANH DEC	P2	39-40	2	7	10	64	KH-THAC	Vietnamese
22	HO CONG ANH	P2	41-42	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	19	20	183	1.297	123	5		
2	P2	3	5	29	209	10	17		
TOTAL		22	25	212	1.506	133	22		
WEIGHT KG				212	1.506	133			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2018	TO: PVD6 - P7 - PVD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - TRƯỜNG	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG NHU THIEN	PVD6	58-59	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
2	THIEU VAN LONG	PVD6	56-57	2	12		71	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM VAN THUC	PVD6	61	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
4	LUONG TUAN DAT	PVD6	62	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN MINH TU	PVD6	60	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM DINH VAN	PVD6	63	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC LUONG	PVD6	66	1	14		65	KHOAN	Vietnamese
8	NINTON NABABAN	PVD6	68	1	8		84	KHOAN	Indonesian
9	NGUYEN VAN MINH	PVD6	67	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
10	DUONG DINH THUC	PVD6	69	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
11	HO MINH PHUC	PVD6	64	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
12	DO VAN KHUONG	PVD6	65	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
13	VU PHUONG HUONG	P7	96	1	12	35	62	KH-THAC	Vietnamese
14	HA DANH THE	P7	95	1	12		50	PVCPT	Vietnamese
15	PHAM VAN BE NGHIA	PVD2	45,98-99	3	20		66	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TAM	PVD2	86-87	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
17	PAUL ROBERT REDFERN	PVD2	90-91	2	20		91	KHOAN	British
18	LE VIET HIEU	PVD2	92	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TUYEN	PVD2	88	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
20	LUONG VAN TRUONG	PVD2	89	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
21	HO NGOC HAI	PVD2	100	1	9		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	12	14	113	806	0	7		
2	P7	2	2	24	112	35	1		
3	PVD2	7	11	86	521	0	14		
TOTAL		21	27	223	1.439	35	22		
WEIGHT KG				223	1.439	35			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2018	TO: TTC2 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: MI	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - TDUNG	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HỒNG QUY	TTC2	22	1	10		70	DVL	Vietnamese
2	PHẠM HAI LONG	TTC2	23	1	8		80	DVL	Vietnamese
3	ĐINH VĂN LƯU	TTC2	19	1	5		50	PSV	Vietnamese
4	ĐANG THANH TRUNG	P2	45	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO TUÂN VIỆT	P2	62	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
6	BIÊN ĐANG SÂM	P2	49	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH UT	P2	48	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐANG QUỐC VIỆN	P2	59	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN MINH XANH	P2	54	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
11	VU ĐÌNH THUẬN	P2	50	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
12	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	53	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
13	CAO VĂN HỘI	P2	56	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG MINH QUÂN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	57	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CHÍ HUỠNG	P2	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HIỆN TRƯỞNG	P2	58	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN LÝ HUỠNG	P2	47	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH THẾ ANH	P2	51	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN ĐỨC	P2	46	1	5		75	T-TIN	Vietnamese
22	LÊ HAI DUƠNG	P2	60-61	2	10		80	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	3	3	23	200	0	0		
2	P2	19	18	97	1.299	0	22		
TOTAL		22	21	120	1.499	0	22		
WEIGHT KG				120	1.499	0			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2018	TO: P5 - P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - DTùng	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH THĂNG	P5	67-68	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TRẦN	P5	73-74	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HÙNG	P5	69	1	18	40	70	XAYLAP	Vietnamese
4	TRƯỜNG VĂN ĐỨC	P5	71	1	8		72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN NHẬT LINH	P5	70	1	13		75	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN KHANH	P5	75	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	P5	72	1	12		88	XAYLAP	Vietnamese
8	HUỲNH ĐỨC TÂM	P5	79	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN VĂN KIM	P5	77-78	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY DƯƠNG	P5	76	1	19		71	XAYLAP	Vietnamese
11	CÚ CHI CÔNG	P5	66	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN BÀ THANH	P9	04	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	07	1	11		50	YTE	Vietnamese
14	TRẦN VĂN DOANH	P9	05	1	5		68	VIỆT PHÁT	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	10	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN QUÊ	P9	06	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH HAI	P9	11	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
18	LE TAM THUY	P9	08	1	4	40	75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	12	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO VIỆT HAI	P9	09	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LE LANG TU	P9	03	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	01-02	2	18		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

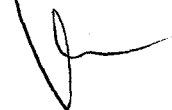
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	11	14	154	766	40	10		
2	P9	11	12	87	750	40	12		
TOTAL		22	26	241	1.516	80	22		
WEIGHT KG				241	1.516	80			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2018	TO: TD2 - BK4 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - Huy	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI TRUNG THO	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
2	SHVETNIKOV V.I	TD2	02	1	8	40	88	KH-THAC	Russian
3	LUU TIEN THANH	TD2	05	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUANG HOANG	TD2	03	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN HUU THUONG	TD2	04	1	10		70	GETRACO	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUNG	TD2	01	1	5		80	PSV	Vietnamese
7	VU VAN CUONG	BK4	74	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
8	TONG TRUNG HUY	BK4	72	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN DUC BA	BK4	71	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN ANH	BK4	76-77	2	17		77	KH-THAC	Vietnamese
11	DOAN NGUYEN BAO CHAU	BK4	73	1	5	88	58	KH-THAC	Vietnamese
12	HO VAN DUC	BK4	75	1	5	30	56	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN THANH BINH	BK4					65	PVGAS	Vietnamese
14	PHAM HUY THONG	BK4	78-79	2	18		70	PVGAS	Vietnamese
15	TRAN HUNG MEN	P10	38	1	5		65	YTE	Vietnamese
16	EVSEEV O.V	P10	23	1	5		100	KH-THAC	Russian
17	PODYMOV D.N	P10	39	1	8		140	KH-THAC	Russian
18	NGUYEN QUOC KHANH	P10	30	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN KIM NGOC	P10	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THE HUNG	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN HUONG	P10	31	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	6	5	39	450	40	5		
2	BK4	8	9	60	566	118	6		
3	P10	7	6	37	595	0	10		
TOTAL		21	20	136	1.611	158	21		
WEIGHT KG				136	1.611	158			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2018	TO: P3 - P9	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - TRƯỜNG	ETA: 13:10
xanh-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TUẤN DƯƠNG	P3	41	1	4		70	CODIEN	Vietnamese
2	HÀ MẠNH HOÀNG	P3	42	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN MINH TÙNG	P3	40	1	11	20	73	CODIEN	Vietnamese
4	NGO XUÂN NGHĨA	P3	21	1	10		60	PVC-PT	Vietnamese
5	VU DINH VINH	P3	39	1	8		68	PVC-PT	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	30	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRỊNH THẾ NHAN	P9	22	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH HIỀN	P9	26	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀU THẾ HẢI	P9	20	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	HUÀ SẦY	P9	24	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI CÔNG THẮNG	P9	19	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC ĐO	P9	17	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	23	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐÀ KHA	P9	25	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯƠNG XUÂN THAI	P9	32	1	13	25	68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRỊNH HUY KIỆM	P9	15	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NG. VĂN HUY	P9	27	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
21	CAO KINH THAO	P9	21	1	15		70	T-TIN	Vietnamese
22	VŨ ANH MINH	P9	18	1	10	10	70	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

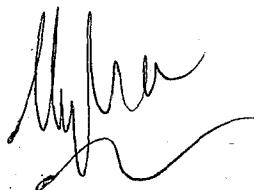
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	5	5	39	341	20	0		
2	P9	17	17	108	1.191	35	21		
TOTAL		22	22	147	1.532	55	21		
WEIGHT KG				147	1.532	55			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2018	TO: P10 - BK10	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - TDUNG	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGUYEN TRUNG	P10					56	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THE HANH	P10	49	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	47	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HỮU TRI	P10	57	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHANH TOAN	P10	59	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TAM NHAN	P10	50	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ THANH HÀ	P10	51	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIỆT ANH	P10	46	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUỐC PHI	P10	52-53	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUỐC TIEN	P10	58	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	44	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VĂN HUAN	P10	60	1	3	70	65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ ĐÌNH H. V. N	P10	45	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG MẠNH	P10	42	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	48	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH CÔNG V. N	P10	55	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG SỸ NGUYEN	P10	56	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN LÊ HUY HOANG	P10	43	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC CH. N	P10	54	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH BÌNH	BK10	99	1	7	60	60	KH-THAC	Vietnamese
21	Đ. M. Đ. C	BK10	98	1	5	10	69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

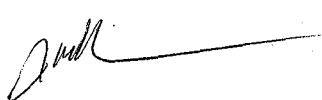
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	19	19	108	1.245	70	16		
2	BK10	2	2	12	129	70	6		
TOTAL		21	21	120	1.374	140	22		
WEIGHT KG				120	1.374	140			

GRAND TOAL: 1.634 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2018	TO: PVD6	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - Huy	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO BA NGUYEN TOAN ANH	PVD6	05	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VU SINH	PVD6	06	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
3	VU HAI THANG	PVD6	80	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN BINH	PVD6	88	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
5	DUONG KHANH HOANG	PVD6	92-93	2	17	20	85	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN CHINH	PVD6	04	1	8		72	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI HONG SANG	PVD6	07	1	8	25	85	XAYLAP	Vietnamese
8	NGO THANH NAM	PVD6	77-78	2	18		66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN KHOA	PVD6	71	1	5	18	60	XAYLAP	Vietnamese
10	PHUNG VAN CUONG	PVD6	74	1	12	15	75	XAYLAP	Vietnamese
11	DO XUAN PHUONG	PVD6	75-76	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
12	LE HUU TIEN	PVD6	79	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM MINH DUNG	PVD6	91	1	15		85	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG QUOC VI	PVD6	89-90	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
15	LE CONG BANG	PVD6	95	1	10	10	58	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN KIM THANG	PVD6	86	1	10	20	60	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN VAN TOAN	PVD6	81-82	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN XUAN DUONG	PVD6	84-85	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN DINH PHAP	PVD6	83	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN NGOC DO	PVD6	98	1	6		57	XAYLAP	Vietnamese
21	DAO TIEN TU	PVD6	97	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	21	27	236	1.464	108	21		
TOTAL		21	27	236	1.464	108	21		
WEIGHT KG				236	1.464	108			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN